

Số: 83 /TB-HNT78

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2020

THÔNG BÁO
Kết quả xét tuyển viên chức trường Hữu Nghị T78 năm 2020

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Công văn số 1586/BGDDĐT-TCCB ngày 08/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tuyển dụng viên chức năm 2020;

Căn cứ kết Quyết định số 95 /QĐ-HNT78 ngày 29 tháng 6 năm 2020 của trường Hữu Nghị T78 về việc công nhận kết quả xét tuyển viên chức năm 2020,

Trường Hữu Nghị T78 thông báo kết quả xét tuyển viên chức năm 2020 của 74 thí sinh (có danh sách kèm theo). Trong vòng 15 ngày kể từ ngày thông báo kết quả, yêu cầu các thí sinh dự kiến trúng tuyển hoàn thành hồ sơ đã kê khai trong phiếu đăng ký dự tuyển và nộp về phòng Tổ chức – Hành chính, trường Hữu Nghị T78 để tiến hành thủ tục ký hợp đồng làm việc.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐU, BGH (để b/c);
- Thí sinh tham gia xét tuyển;
- Đăng website, dán bảng tin;
- Lưu: VT, TCHC.



TS. Lê Phú Thắng

KẾT QUẢ KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC TRƯỜNG HỮU NGHỊ T78 NĂM 2020
(Kèm theo Thông báo số 83/TB-HNT78 ngày 29 tháng 6 năm 2020 của trường Hữu Nghị T78)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD	Chỗ ở hiện nay	Vị trí dự tuyển	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
1	Chu Quang Bình	07/9/1988	001088013479	Ba Vì, Hà Nội	CV GV-QLCL	90		90	Trúng tuyển
2	Lê Thị Hồng	02/6/1994	017352006	Ba Vì, Hà Nội	CV GV-QLCL	53		53	Không trúng tuyển
3	Khuất Thị Lan Hương	18/9/1994	017295110	Phúc Thọ, Hà Nội	CV GV-QLCL	72		72	Không trúng tuyển
4	Kiều Thị Hương	23/8/1994	17344670	Ba Vì, Hà Nội	CV GV-QLCL	70,67		70,67	Không trúng tuyển
5	Nguyễn Thị Hà Linh	12/8/1994	017336016	Sơn Tây, Hà Nội	CV GV-QLCL	71		71	Không trúng tuyển
6	Hoàng Thị Thu Thùy	05/10/1997	017477917	Ba Vì, Hà Nội	CV GV-QLCL	-		-	Không trúng tuyển
7	Nguyễn Thị Tố Uyên	21/9/1995	001195012729	Phúc Thọ, Hà Nội	CV GV-QLCL	63,33		63,33	Không trúng tuyển
8	Đỗ Thị Vân	05/7/1997	17328284	Ba Vì, Hà Nội	CV GV-QLCL	-		-	Không trúng tuyển
9	Vũ Thị Thùy An	08/9/1991	001191022473	Sơn Tây, Hà Nội	CV HC-QT-ĐN	45		45	Không trúng tuyển
10	Nguyễn Hải Anh	19/4/1995	001195008230	Sơn Tây, Hà Nội	CV HC-QT-ĐN	90		90	Trúng tuyển
11	Hà Kim Giang	04/12/1988	112289817	Phúc Thọ, Hà Nội	CV HC-QT-ĐN	-		-	Không trúng tuyển
12	Nguyễn Phương Hoài	30/4/1988	017188000220	Sơn Tây, Hà Nội	CV HC-QT-ĐN	90		90	Trúng tuyển
13	Lê Thị Diễm	08/4/1995	085062134	Sơn Tây, Hà Nội	CV QLHS	90,5	5	95,5	Trúng tuyển
14	Hoàng Thị Hiền	10/02/1988	112300237	Ba Vì, Hà Nội	GV Địa lý	85		85	Không trúng tuyển
15	Trần Thị Liệp	08/02/1991	1191009464	Quốc Oai, Hà Nội	GV Địa lý	70		70	Không trúng tuyển
16	Nguyễn Trà My	18/9/1993	017253914	Sơn Tây, Hà Nội	GV Địa lý	90		90	Trúng tuyển
17	Lê Thị Thu Hà	27/10/1996	017239727	Phúc Thọ, Hà Nội	GV GDCD	49,5		49,5	Không trúng tuyển
18	Phan Thị Hiền	02/12/1984	001184036428	Phúc Thọ, Hà Nội	GV GDCD	-		-	Không trúng tuyển
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung	15/09/1994	050734959	Sơn Tây, Hà Nội	GV GDCD	84,5		84,5	Trúng tuyển
20	Phạm Thị Minh Thúy	14/10/1993	017212019	Bắc Từ Liêm, Hà Nội	GV GDCD	30,5		30,5	Không trúng tuyển
21	Hoàng Thị Tuyền	20/01/1994	082237977	Cầu Giấy, Hà Nội	GV GDCD	51	5	56	Không trúng tuyển

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD	Chỗ ở hiện nay	Vị trí dự tuyển	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
22	Nguyễn Thị Thùy Dung	17/10/1995	101291436	Vân Đồn, Quảng Ninh	GV GDQP-AN	53		53	Không trúng tuyển
23	Hoàng Thị Hà	12/02/1993	1193014928	Phúc Thọ, Hà Nội	GV GDQP-AN	30,25		30,25	Không trúng tuyển
24	Đỗ Thị Thu Hằng	30/10/1994	017198023	Sơn Tây, Hà Nội	GV GDQP-AN	81,5		81,5	Trúng tuyển
25	Lê Văn Hạnh	08/10/1994	174732516	Tân Phú, TP. HCM	GV GDQP-AN	-		-	Không trúng tuyển
26	Nguyễn Văn Khang	04/5/1992	001092004260	Phúc Thọ, Hà Nội	GV GDQP-AN	71,25		71,25	Không trúng tuyển
27	Kiều Thị Thùy Linh	01/11/1994	013591437	Văn Giang, Hưng Yên	GV GDQP-AN	65,25		65,25	Không trúng tuyển
28	Kim Thị Ly	05/6/1989	111268449	Thạch Thất, Hà Nội	GV GDQP-AN	53,5		53,5	Không trúng tuyển
29	Bùi Thị Mai	06/9/1996	017260828	Sơn Tây, Hà Nội	GV GDQP-AN	33,25	5	38,25	Không trúng tuyển
30	Lâm Bình Minh	12/10/1996	122240806	TP. Bắc Giang, Bắc Giang	GV GDQP-AN	-		-	Không trúng tuyển
31	Tòng Văn Mới	11/9/1997	045179187	Thân Uyên, Lai Châu	GV GDQP-AN	47,5	5	52,5	Không trúng tuyển
32	Lê Huyền My	04/10/1997	001197017611	Sơn Tây, Hà Nội	GV GDQP-AN	54		54	Không trúng tuyển
33	Cao Thị Phương	15/11/1996	017416484	Sơn Tây, Hà Nội	GV GDQP-AN	80		80	Trúng tuyển
34	Bùi Việt Hùng	11/3/1983	111621222	Sơn Tây, Hà Nội	GV KTCN	59,75		59,75	Không trúng tuyển
35	Khuất Thành Hưng	05/8/1997	001097007654	Phúc Thọ, Hà Nội	GV KTCN	89		89	Trúng tuyển
36	Nguyễn Thị Mai Hương	06/3/1995	001195006228	Phúc Thọ, Hà Nội	GV KTCN	57,25		57,25	Không trúng tuyển
37	Trịnh Trần Hồng Vân	14/5/1988	112257433	Ba Vì, Hà Nội	GV KTNN	87,25		87,25	Trúng tuyển
38	Vũ Nhật Anh	29/9/1997	001197017969	Ba Vì, Hà Nội	GV Tiếng Anh	80		80	Không trúng tuyển
39	Chu Thị Thu Hằng	20/9/1980	001180025159	Sơn Tây, Hà Nội	GV Tiếng Anh	55	5	60	Không trúng tuyển
40	Đỗ Thị Thùy Linh	19/6/1997	017469643	Phúc Thọ, Hà Nội	GV Tiếng Anh	75		75	Không trúng tuyển
41	Nguyễn Ngọc Linh	25/01/1995	017434229	Ba Vì, Hà Nội	GV Tiếng Anh	75		75	Không trúng tuyển
42	Lê Phương Lý	08/12/1983	125940273	Sơn Tây, Hà Nội	GV Tiếng Anh	60		60	Không trúng tuyển
43	Phùng Thúy Ngân	02/5/1990	112490566	Ba Vì, Hà Nội	GV Tiếng Anh	85		85	Trúng tuyển
44	Nguyễn Thị Phương Thảo	01/11/1991	001191015111	Phúc Thọ, Hà Nội	GV Tiếng Anh	80		80	Không trúng tuyển

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD	Chỗ ở hiện nay	Vị trí dự tuyển	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
45	Hoàng Thị Thu	09/02/1990	112483808	Phúc Thọ, Hà Nội	GV Tiếng Anh	95		95	Trúng tuyển
46	Khuất Thị Thúy	27/5/1993	017090248	Phúc Thọ, Hà Nội	GV Tiếng Anh	90		90	Trúng tuyển
47	Vũ Thị Tuyết	03/3/1991	112413306	Phúc Thọ, Hà Nội	GV Tiếng Anh	80		80	Không trúng tuyển
48	Kim Thị Quỳnh Anh	30/11/1994	017364304	Phúc Thọ, Hà Nội	GV Toán	-		-	Không trúng tuyển
49	Phùng Thị Trung Anh	30/9/1995	017355738	Thạch Thất, Hà Nội	GV Toán	72		72	Không trúng tuyển
50	Nguyễn Xuân Công	22/3/1988	001088010914	Chương Mỹ, Hà Nội	GV Toán	55,25		55,25	Không trúng tuyển
51	Phan Thị Mai Hạnh	18/01/1997	132284734	Thanh Sơn, Phú Thọ	GV Toán	-		-	Không trúng tuyển
52	Hoàng Thị Thu Hiền	11/01/1986	091921824	Phổ Yên, Thái Nguyên	GV Toán	-		-	Không trúng tuyển
53	Phùng Trọng Hiếu	28/02/1991	017014961	Sơn Tây, Hà Nội	GV Toán	81		81	Trúng tuyển
54	Nguyễn Thị Thu Hương	01/11/1991	036191007485	Nam Trữc, Nam Định	GV Toán	71		71	Không trúng tuyển
55	Nguyễn Thùy Linh	14/11/1992	017088435	Sơn Tây, Hà Nội	GV Toán	84,5		84,5	Trúng tuyển
56	Nông Thùy Linh	15/7/1997	073437700	Cầu Giấy, Hà Nội	GV Toán	-		-	Không trúng tuyển
57	Nguyễn Thị Nhuệ	16/02/1989	112372077	Phú Xuyên, Hà Nội	GV Toán	61		61	Không trúng tuyển
58	Lê Thị Nhung	15/3/1995	017425121	Thạch Thất, Hà Nội	GV Toán	63,75		63,75	Không trúng tuyển
59	Dương Thị Phúc	08/8/1994	017344315	Ba Vì, Hà Nội	GV Toán	80		80	Trúng tuyển
60	Lê Thị Phương	01/11/1997	001197005802	Quốc Oai, Hà Nội	GV Toán	-		-	Không trúng tuyển
61	Nguyễn Mai Phương	11/5/1993	001193014069	Phúc Thọ, Hà Nội	GV Toán	89		89	Trúng tuyển
62	Nguyễn Thị Lệ Quyên	21/5/1993	001193011354	Phúc Thọ, Hà Nội	GV Toán	64,5		64,5	Không trúng tuyển
63	Nguyễn Phương Thảo	19/02/1996	017292778	Quốc Oai, Hà Nội	GV Toán	58,75		58,75	Không trúng tuyển
64	Đỗ Thị Hải Yến	13/5/1996	017239885	Sơn Tây, Hà Nội	GV Toán	57,5		57,5	Không trúng tuyển
65	Đoàn Hùng Anh	29/6/1997	001097023892	Phúc Thọ, Hà Nội	GV Vật lý	90		90	Trúng tuyển
66	Đoàn Thị Hương Giang	14/7/1994	001194016859	Phúc Thọ, Hà Nội	GV Vật lý	-		-	Không trúng tuyển
67	Lê Hương Giang	01/07/1993	017253966	Ba Vì, Hà Nội	GV Vật lý	89		89	Trúng tuyển

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD	Chỗ ở hiện nay	Vị trí dự tuyển	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
68	Phùng Thị Hà	08/7/1993	0011930101647	Thạch Thất, Hà Nội	GV Vật lý	86		86	Không trúng tuyển
69	Nghiêm Thu Huyền	04/9/1996	122229982	Năm Tư Liêm, Hà Nội	GV Vật lý	-		-	Không trúng tuyển
70	Khuất Thị Hồng Linh	16/5/1990	112413980	Phúc Thọ, Hà Nội	GV Vật lý	69		69	Không trúng tuyển
71	Hà Phương Minh	20/9/1993	017198431	Sơn Tây, Hà Nội	GV Vật lý	-		-	Không trúng tuyển
72	Nguyễn Văn Quý	28/10/1988	358076591	Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	GV Vật lý	65		65	Không trúng tuyển
73	Nguyễn Duy Phong	28/3/1986	001086004548	Ba Vì, Hà Nội	NV Y tế	62		62	Không trúng tuyển
74	Kiều Thị Tuyết	03/12/1992	001192003245	Phúc Thọ, Hà Nội	NV Y tế	87,5		87,5	Trúng tuyển

Danh sách này có 74 thí sinh./.

ĐẠO